TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1160/2017/LĐ-PT
Ngày: 19/12/2017
V/v Tranh chấp xử lý kỷ luật lao động theo hình thức sa tH.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Xuân.
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai.
Bà Nguyễn Thị Thoa.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thủy.
Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:
Bà Thân Trọng Minh Phương là Kiểm sát viên.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2593/2017/QĐ-PT ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T. Sinh năm 1975.
Địa chỉ: 12 đường K, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.
Tạm trú: Dự án C, Căn hộ C, Số 01, Đường T, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Ngọc H. Sinh năm 1972.
Địa chỉ: 133Bis đường L, phường C, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Theo Giấy ủy quyền số 000684, Quyển số 01.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 17/4/2017 tại Văn phòng Công chứng D). Có mặt.

Bị đơn: Công ty A.
Địa chỉ: C, Tầng hầm 1, Số 01, Đường số T, khu phố C, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông A K - Tổng Giám đốc.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn H1. Sinh năm 1979. Có mặt.
Ông Nguyễn Việt Q. Sinh năm 1975. Vắng mặt.
Địa chỉ: C, Tầng hầm 1, Số 01, Đường số T, khu phố C, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Theo Giấy ủy quyền số 12/2017-UQ-BTAP-LG, ngày 22/5/2017).

Người làm chứng:

Bà Ngô Thị Ái L. Sinh năm 1964.

Địa chỉ: 18 Lô A đường S, phường N, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T có ông Trần Ngọc H là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 01/10/2014, Công ty A (gọi tắt Công ty) và bà Nguyễn Thị Thanh T ký hợp đồng lao động số 01-097-03/2011 với thời hạn không xác định, vị trí công việc là Trưởng bộ phận kinh doanh, mức lương là 78.750.000 đồng/tháng, hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Công việc cụ thể bà T là trực tiếp bán căn hộ và phụ trách bộ phận bán căn hộ của công ty nhưng hợp đồng lao động không đính kèm bản mô tả công việc chi tiết. Bà T làm việc cho Công ty A từ ngày 01/10/2017 đến đầu năm 2016 thì bị Công ty yêu cầu giảm lương và khi bà T không đồng ý thì Công ty tìm cách buộc bà T phải nghỉ việc với những lý do không chính đáng.

Ngày 23/6/2016, Công ty tổ chức họp xử lý kỷ luật lao động bà T với 03 vi phạm do Công ty đưa ra là:

(1) Tạo lập 02 bộ hồ sơ môi giới giả mạo trị giá 291.707.237 đồng để lấy tiền công ty;

(2) Chiếm đoạt phiếu quà tặng dành cho khách hàng trị giá 50.000.000 đồng;

(3) Tự ý ký văn bản xác nhận công nợ với khách hàng làm công ty thiệt hại 4.283.648.672 đồng. Thực tế đây là những vi phạm do Công ty tự tạo ra và bà T đã phản đối, nêu rõ trong biên bản cuộc họp.

Ngày 24/6/2016, Công ty ban hành quyết định xử lý kỷ luật, cho rằng bà T có 02 sai phạm là tạo lập hồ sơ giả trị giá 291.707.237 đồng nhằm mục đích lấy tiền của công ty và chiếm đoạt phiếu quà tặng trị giá 50.000.000 đồng, với hình thức kỷ luật là sa thải từ ngày 24/6/2016.

Theo chính sách bán hàng của Công ty (bán căn hộ tại dự án C, Quận B), các khách hàng đã mua căn hộ và có giới thiệu tiếp người khác thì sẽ được Công ty thưởng hoa hồng môi giới.

Bà Ngô Thị Ái L người đã mua 02 căn hộ ở C, tiếp tục giới thiệu ông Wang Tsung H2 mua căn hộ T4-1501 (giá trị 20.791.111.725 đồng) và anh Nguyễn Tiến L1 (đại diện Công ty P) mua 02 căn hộ là căn T4-1505 (8.600.430.545 đồng), T4-1801 (8.379.612.000 đồng). Theo chính sách chung, bà L sẽ được Công ty trả tiền hoa hồng và nhân viên chăm sóc khách hàng sẽ làm hồ sơ đề nghị (gồm hợp đồng môi giới và các giấy tờ liên quan đến việc bán 03 căn hộ) để bà L được nhận tiền, do đó nguyên đơn đã thực hiện công việc này. Do bà L đi công tác thường xuyên nên sau khi trao đổi với bà L, bà T được bà L đồng ý làm bộ hồ sơ thanh toán tiền hoa hồng với chữ ký scan của bà L.

Về trường hợp nhận phiếu quà tặng, ông Wang Tsung H2 là khách hàng do bà T chăm sóc, ông H2 mua căn hộ số T4-1501 (giá trị 20.791.111.725 đồng), ký hợp đồng vào tháng 02/2016 nhưng đến tháng 6/2016 mới được nhận căn hộ, trong thời gian này ông H2 không có mặt tại Việt Nam mà làm việc, sống tại Trung Quốc, Mỹ. Cũng trong thời gian này, Công ty có chương trình tặng quà cho khách hàng mua căn hộ, vì vậy bà T nhận 01 phiếu quà tặng để giữ lại tặng cho ông H2 khi khách hàng này trở lại nhận căn hộ vào tháng 6/2016.

Bà T không vi phạm quy định nào trong nội quy lao động là căn cứ xử lý kỷ luật sa thải của Công ty, không có vi phạm gây thiệt hại cho Công ty về mặt dân sự và cũng không vi phạm pháp luật hình sự về các tội xâm phạm sở hữu. Công ty đã vi phạm pháp luật khi xử lý kỷ luật sa thải bà T.

Nay bà T khởi kiện Công ty A, đề nghị Toà án:

Hủy Quyết định xử lý kỷ luật lao động về việc sa thải bà Nguyễn Thị Thanh T, quyết định không số, ngày 24/6/2016 của Công ty A;

Buộc Công ty A nhận bà T trở lại làm việc và trả tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp tạm tính từ ngày 25/6/2016 đến thời điểm xét xử, cộng 02 tháng bồi thường theo luật định, tương ứng với số tiền 1.260.000.000 đ (một tỷ hai trăm sáu mươi triệu đồng).

Từ khi vào làm việc ở Công ty, bà T đóng bảo hiểm xã hội tại Bảo hiểm xã hội Quận A, mọi thủ tục và quyền lợi của người lao động sau khi nghỉ việc bà T đã được Công ty trả đầy đủ và đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, bà T có ông Trần Ngọc H là người đại diện ủy quyền thừa nhận ông Wang Tsung H2 không thuộc trường hợp được nhận phiếu quà tặng, tuy nhiên vì ông Wang Tsung H2 mua căn hộ giá trị hơn 20 tỷ đồng nên bà T muốn lấy lòng ông Wang Tsung H2. Ngoài ra, nguyên đơn trình bày là có gửi email để thông báo cho ông Wang Tsung H2 biết về chương trình nhận phiếu quà tặng, nhưng vì việc trích xuất email quá khó khăn nên phía bà T đã không cung cấp chứng cứ cho Tòa án. Hiện bà T không biết địa chỉ của ông Wang Tsung H2 ở đâu.

Bị đơn Công ty A có người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Văn H1 trình bày:

Trước đây, bà Nguyễn Thị Thanh T là nhân viên của Công ty A. Đầu năm 2016, bà T đã có hành vi tạo lập 02 bộ hồ sơ môi giới giả mạo để yêu cầu Công ty thanh toán bằng thủ đoạn scan chữ ký của bà Ngô Thị Ái L và trình Tổng Giám đốc ký, tổng giá trị hồ sơ giả mạo là 291.707.237 đồng. Bà L không thuộc trường hợp được nhận tiền hoa hồng. Ngoài ra, bà T còn có hành vi chiếm đoạt phiếu quà tặng dành cho khách hàng bằng thủ đoạn ký nhận phiếu quà tặng và không giao lại cho khách hàng, trị giá tài sản chiếm đoạt là 50.000.000 đồng. Trong khi bà T biết rõ chương trình nhận phiếu quà tặng chỉ dành cho khách hàng đã ký hợp đồng mua

căn hộ của Công ty từ trước ngày 31/12/2015, ông Wang Tsung H2 ký hợp đồng vào tháng 02 năm 2016 nên không thuộc trường hợp được nhận phiếu quà tặng.

Ngày 23/6/2016, Công ty đã tiến hành họp xử lý kỷ luật lao động với đầy đủ thành phần theo quy định. Cuộc họp kết thúc với kết luận: Các hành vi của người lao động (bà Nguyễn Thị Thanh T) đã vi phạm Điều 126, Khoản 1 Bộ luật lao động và Điều 40.2 Nội quy lao động 2010, Điều 1.5.2, Khoản 1 Nội quy lao động 2016 của Công ty, tương ứng với hình thức kỷ luật sa thải. Về việc bồi thường thiệt hại do vi phạm của người lao động gây ra (hành vi tự ý xác nhận công nợ), Ban Giám đốc sẽ có quyết định và tiếp tục xử lý theo quy định của pháp luật. Trên cơ sở kết quả cuộc họp xử lý kỷ luật lao động, Công ty đã có Quyết định xử lý kỷ luật lao động bà T với hình thức sa thải. Sau khi ra quyết định và làm thủ tục nghỉ việc đối với bà T, mọi chế độ liên quan đến người lao động, phía Công ty đã thanh toán và giải quyết đúng theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty A có ông Trần Văn H1 người đại diện theo ủy quyền trình bày: Đúng là Công ty có bán căn hộ cho ông Wang Tsung H2 và người đại diện của Công ty P. Tuy nhiên, không có chứng cứ gì để chứng minh bà L là người giới thiệu ông Wang Tsung H2 và người đại diện của Công ty P mua căn hộ của Công ty, bởi lẽ theo quy định của chương trình hoa hồng thì bà L và khách hàng mà bà L giới thiệu (nếu có) phải cùng có mặt và cùng ký tên vào phiếu xác nhận giới thiệu. Công ty đã thực hiện đúng quy trình xử lý người lao động theo quy định của pháp luật, do đó không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà T.

Ngoài ra, nguyên đơn và bị đơn không đồng ý để Tòa án công khai bản án trên cổng thông tin điện tử.

Người làm chứng bà Ngô Thị Ái L xác nhận lời trình bày của bà Nguyễn Thị Thanh T là đúng.

Tại bản án lao động sơ thẩm số 11/2017/LĐST ngày 31/8/2017 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 32, điểm c Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 220, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 47, Điều 126 Bộ luật lao động;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Xử:

Bác toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thanh T về việc hủy Quyết định xử lý kỷ luật lao động hình thức sa thải bà Nguyễn Thị Thanh T ngày 24/6/2016 của Công ty A.

1. Bác yêu cầu của bà T về việc buộc Công ty A nhận bà T trở lại làm việc và trả tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp tạm tính từ ngày 25/6/2016 đến thời điểm xét xử, cộng 02 tháng bồi thường theo luật định, tương ứng với số tiền 1.260.000.000 đ (Một tỷ hai trăm sáu mươi triệu đồng).

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh T không phải chịu tiền án phí.

Công ty A không phải chịu án phí.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên biện pháp chế tài đối với người không tự nguyện thi hành án và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Trong thời hạn luật định ngày 12/9/2017 ông Trần Ngọc H là người đại diện ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T kháng cáo với nội dung:

Nguyên vào ngày 24/6/2016, Công ty A ban hành Quyết định xử lý kỷ luật lao động và Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với bà Nguyễn Thị Thanh T, không đồng ý với các quyết định này, bà T đã khởi kiện công ty A, đề nghị Toà án buộc bị đơn Công ty A nhận trở lại làm việc và trả tiền lương, bảo hiểm bắt buộc cho thời gian bà T bị chấm dứt hợp đồng trái pháp luật.

Lý do Công ty A xử lý kỷ luật sa thải bà Nguyễn Thị Thanh T trái pháp luật:

Ngày 23/6/2016 và ngày 24/6/2016, Công ty tổ chức họp xử lý kỷ luật lao động và ra Quyết định xử lý kỷ luật bà T với hình thức sa thải, vì 02 vi phạm do Công ty nêu ra là: (1) Tạo lập 02 bộ hồ sơ môi giới giả mạo trị giá 291.707.237 đồng bằng thủ đoạn scan chữ ký người môi giới để lấy tiền công ty; (2) Chiếm đoạt phiếu quà tặng dành cho khách hàng trị giá 50.000.000 đồng.

Về việc Công ty quy kết bà T đã lập 02 hồ sơ giả nhằm mục đích lấy tiền Công ty:

Theo chính sách bán căn hộ tại dự án C của Công ty, các khách hàng đã mua căn hộ và giới thiệu tiếp người khác mua thì sẽ được Công ty A thưởng hoa hồng môi giới 1%.

Bà Ngô Thị Ái L là cư dân ở khu căn hộ C, trước đây đã mua 02 căn hộ cho riêng mình, cuối năm 2015 tiếp tục giới thiệu ông Wang Tsung H2 mua căn hộ T4-1501 (giá mua 20.791.111.725 đồng) và Công ty P (đại diện là ông Nguyễn Tiến L1) mua 02 căn hộ T4-1505 (8.600.430.545 đồng), T4-1801 (8.379.612.000 đồng). Do đó, bà L sẽ được Công ty A trả tiền hoa hồng từ việc đã giới thiệu thêm 02 khách hàng là ông H2 và ông L1.

Cũng do bà L trước đó đã mua căn hộ của Công ty A và bà T là người trực tiếp theo dõi hợp đồng, vì vậy khi bà L giới thiệu thêm 02 khách hàng thì bà T trực tiếp làm hợp đồng môi giới giữa Công ty A và bà L, hồ sơ thanh toán tiền hoa hồng cho bà L, bao gồm Phiếu xác nhận giới thiệu khách hàng và Giấy thanh toán hoa

hồng. Trên Giấy thanh toán tiền hoa hồng ghi tên người nhận tiền và tài khoản nhận tiền đều là tên của bà L.

Do bà L thường không có mặt ở Thành phố Hồ Chí Minh nên sau khi nói chuyện và thông báo sẽ có hoa hồng cho bà L, bà T được bà L đồng ý làm hồ sơ thanh toán tiền hoa hồng với chữ ký sao chụp (scan) của bà L, nếu Công ty A yêu cầu thì bà L sẽ đến ký lại trực tiếp trên hợp đồng. Khi làm hồ sơ đề nghị thanh toán bao gồm hợp đồng môi giới đề ngày 10/01/2016, bà T đã sao chụp chữ ký của bà L từ một hợp đồng mua căn hộ trước đây của bà L lên hợp đồng môi giới và in từ máy tính ra để đưa cho Công ty A ký. Bà L đã trực tiếp ký lại vào hợp đồng môi giới cũng như đã có lời khai tại Tòa án nhân dân Quận B xác nhận sự việc này.

Như vậy, hợp đồng môi giới giữa Công ty A và bà L là hoàn toàn có thật, từ chủ thể giao kết, nội dung hứa thưởng hoa hồng của Công ty A cho đến điều kiện nhận thưởng là việc giới thiệu khách hàng.

Việc bị đơn Công ty A cho rằng bà T làm hồ sơ giả để chiếm đoạt tiền của Công ty: Thực tế trên hồ sơ đề nghị thanh toán, tên và số tài khoản của người nhận tiền hoa hồng đều là của bà L chứ không phải là bà T, do đó bà T không thể chiếm đoạt hay có ý định chiếm đoạt tiền công ty.

Về quy kết chiếm đoạt phiếu quà tặng:

Ông Wang Tsung H2 mua căn hộ số T4-1501 (giá mua 20.791.111.725 đồng), đã ký hợp đồng đặt cọc ngày 14/12/2015 và đã đặt cọc số tiền 500.000.000 đồng, sau đó ký hợp đồng mua căn hộ chính thức vào tháng 01/2016 nhưng đến tháng 6/2016 mới được nhận căn hộ. Trong thời gian này, từ ngày 25/11/2015 đến 31/12/2015, Công ty A có chương trình tặng quà cho khách hàng mua căn hộ và do ông H2 không có mặt tại Việt Nam nên bà T nhận 01 phiếu quà tặng để giữ lại cho ông H2 khi khách hàng này trở lại nhận căn hộ vào tháng 6/2016.

Việc bà T nhận Phiếu quà tặng là minh bạch bởi bà T có ký nhận rõ ràng trên Danh sách khách hàng nhận quà, ghi rõ tên khách hàng là Wang Tusng H2 và ghi người nhận là tên của mình (Nguyễn Thị Thanh T).

Nếu bà T có ý định chiếm đoạt Phiếu quà tặng thì không bao giờ bà ghi rõ tên khách hàng là ông H2 và tên người nhận phiếu là mình như vậy, cũng như không có việc sau khi đã chiếm đoạt từ tháng 12/2015 nhưng vẫn giữ Phiếu quà tặng cho đến tận tháng 4/2016 mà không sử dụng.

Công ty A không chứng minh được lỗi vi phạm và hành vi của bà T không thuộc các trường hợp vi phạm nêu trong Nội quy lao động.

Theo quy định của pháp luật, khi xử lý kỷ luật lao động, *"người sử dụng lao động phải chứng minh được lỗi của người lao động" và cấm "xử lý kỷ luật lao động đối với người lao động có hành vi vi phạm không được quy định trong nội quy lao động"* (điểm a Khoản 1 Điều 123, Khoản 3 Điều 128 Bộ luật lao động).

Như trình bày trên, bị đơn không có bằng chứng để chứng minh các vi phạm của bà T mà bị đơn đã quy kết.

Bị đơn cho rằng bà T đã có 02 hành vi vi phạm (làm giả hồ sơ để lấy tiền và chiếm đoạt phiếu quà tặng) thuộc Khoản 1 Điều 126 Bộ luật lao động, Điều 40.2 Nội quy lao động năm 2010 và Điều 1.5.2 Nội quy lao động đăng ký năm 2016 của Công ty A, nhưng bị đơn *không xác định 02 hành vi đó là vi phạm cụ thể nào (trộm cắp hay tham ô…)* quy định tại Điều 126 Bộ luật lao động hay tại Nội quy lao động, như vậy bị đơn đã vi phạm điều cấm của pháp luật khi xử lý sa thải bà T.

Bị đơn cho rằng bà T có hành vi vi phạm là trộm cắp nêu tại Điều 126 Bộ luật lao động và Nội quy lao động của Công ty, thì các chứng cứ do bị đơn đưa ra là 02 Hồ sơ môi giới bán căn hộ và Danh sách nhận phiếu quà tặng không thể hiện được rõ ràng và trực tiếp hành vi trộm cắp. Ngược lại, người lao động không thừa nhận vi phạm và có chứng cứ là "Phiếu xác nhận giới thiệu" do khách hàng mua căn hộ ký và "Danh sách khách hàng nhận voucher" (phiếu quà tặng) có tên khách hàng và chữ ký người nhận minh bạch để chứng minh cho ý kiến tự bảo vệ của mình. Trong tình huống này, *Công ty không chứng minh được bà T có hành vi trộm cắp trong khi bà T không thừa nhận, đáng lẽ ra Công ty phải trưng cầu cơ quan chức năng vào cuộc, có kết luận mới tiến hành xử lý người lao động*. Như vậy, việc Công ty sa thải bà T đã trái pháp luật.

Với các trình bày trên, bị đơn đã không chứng minh được vi phạm của bà T và không xác định được hành vi của bà T là vi phạm nào nêu trong nội quy lao động. Mặt khác, pháp luật quy định nghĩa vụ chứng minh vi phạm kỷ luật lao động là của người sử dụng lao động và cấm người sử dụng lao động không được xử lý kỷ luật lao động đối với hành vi vi phạm không được quy định trong nội quy lao động. Do đó, việc Tòa án nhân dân Quận B chấp nhận ý kiến của bị đơn trong vấn đề xử lý kỷ luật lao động đối với bà T là áp dụng không đúng quy định pháp luật và không đúng các sự kiện khách quan của sự việc tranh chấp.

Đề nghị Tòa phúc thẩm xem xét, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, cụ thể là:

- Hủy quyết định sa thải của Công ty A.
- Nhận bà T trở lại làm việc theo hợp đồng lao động đã giao kết.
- Trả tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho bà T, từ ngày 24/6/2016 cho đến ngày nhận trở lại làm việc, cộng với 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động, tạm tính đến ngày Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ra phán quyết phúc thẩm (16/11/2017) là 18,5 tháng:

+ Cụ thể tiền lương là: 78.750.000 đ x 18,5 = 1.456.875.000 đồng.

+ Các khoản BHXH, BHYT, BHTN là: 1.456.875.000 x (17,5% + 3% + 1% = 21,5%) = 313.228.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T đã nộp cho Tòa án hai chứng cứ cơ bản là:

1. Chương trình giới thiệu khách hàng tiềm năng - Phiếu xác nhận giới thiệu.

2. Bản "Thanh toán tiền hoa hồng chương trình giới thiệu khách hàng tiềm năng" có xác nhận của chủ đầu tư là Công ty A - người đại diện là cán bộ kiểm tra và Giám đốc kinh doanh ký xác nhận bà Ngô Thị Ái L người giới thiệu hai khách hàng là Công ty P (đại diện là ông Nguyễn Tiến L1) về căn hộ số T3-18.08 và khách hàng khác là ông Wang Tsung H2 đối với căn hộ số T4-15.01.

Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và cung cấp cho Tòa án các chứng cứ xác nhận của bà L là người giới thiệu hai khách hàng là Ông Wang Tsung H2 mua căn hộ số T4-1501 và Công ty P (đại diện là ông Nguyễn Tiến L1) mua 02 căn hộ T4-1505 (8.600.430.545 đồng), T4-1801 (8.379.612.000 đồng). Đồng thời có xác nhận của ông Wang Tsung H2 và ông Nguyễn Tiến L1 xác định bà L là người giới thiệu mua các căn hộ trên để cung cấp trước phiên tòa phúc thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty A trình bày:

Hành vi của bà Nguyễn Thị Thanh T đã gây thiệt hại nghiêm trọng đến lợi ích của Công ty nên đề nghị xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại Tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Về hình thức:

Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T (có ông Trần Ngọc H là người đại diện theo ủy quyền) nằm trong thời hạn luật định nên chấp nhận kháng cáo hợp lệ và được đưa ra xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Xét quyết định kỷ luật không số, ngày 24/6/2016 của Công ty A (Bl31) tại trang 1 có ghi: *"Theo kết quả phiên họp xử lý kỷ luật lao động tiến hành ngày 23/6//2016, Công ty A kết luận trong thời gian làm việc tại Công ty, bà Nguyễn Thị Thanh T đã có những sai phạm sau đây:*

1. *Hành vi tạo lập 02 bộ hồ sơ môi giới giả mạo để yêu cầu Công ty thanh toán bằng thủ đoạn scan chữ ký của người môi giới và trình Tổng Giám đốc ký. Tổng giá trị hồ sơ giả mạo nếu không được phát hiện và ngăn chặn sẽ gây thiệt hại số tiền 291.707.237 đồng.*

2. *Hành vi chiếm đoạt phiếu quà tặng dành cho khách hàng bằng thủ đoạn ký nhận phiếu quà tặng trái phép và không giao lại cho khách hàng cho đến khi Ban Giám đốc phát hiện. Trị giá tài sản chiếm đoạt là 50.000.000 đồng".*

Như vậy theo kết luận của Công ty thì bà T đã có hành vi tạo lập hồ sơ giả để chiếm đoạt số tiền hoa hồng và tiền quà tặng của Công ty.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ, tại Bl93d-đ theo lời khai của bà Ngô Thị Ái L là người đã mua căn hộ của Công ty xác nhận: *"Tôi xin xác nhận 02 người khách là ông Nguyễn Tiến L1 và ông Wang Tsung H2 chính là do tôi giới thiệu để mua căn hộ C và theo chính sách trả hoa hồng của chủ đầu tư, họ phải trả cho tôi 1% nhưng cho đến nay họ vẫn chưa trả".*

Tại Tòa sơ thẩm, Công ty A có xuất trình tài liệu chứng cứ là hợp đồng môi giới bán hàng giữa một bên là Công ty A và một bên là bà Ngô Thị Ái L (theo hợp đồng số 03/2016/HĐMG/DI ngày 10/01/2016 được ký bởi một bên là bà Ngô Thị Ái L và một bên là đại diện Công ty ông A K). Như vậy, hợp đồng đã được ký kết tuy bị đơn cho rằng bà T scan chữ ký của bà L để trình lãnh đạo ký. Nhưng theo trình bày của bà T do bà L đi vắng thường xuyên, được sự nhất trí của bà L, nên bà T mới scan chữ ký của bà L để lập hợp đồng và trình lãnh đạo ký. Việc lãnh đạo đại diện của bị đơn đã biết và buộc phải biết rằng hai căn hộ do bà L giới thiệu là sự thật thì lãnh đạo mới ký và lãnh đạo phải chịu trách nhiệm về chữ ký của mình trong hợp đồng.

Mặt khác, tại các Bl từ số 55-62 tại các Phiếu xác nhận khách hàng tiềm năng và phiếu thanh toán hoa hồng chương trình giới thiệu khách hàng tiềm năng đều có chữ ký của bà Ngô Thị Ái L và xác nhận của cán bộ kiểm tra và ký xác nhận của Giám đốc kinh doanh của Công ty cùng ký xác nhận hai căn hộ số T4-08.01 và căn hộ số T4-15.01 là do bà Ngô Thị Ái L xác nhận giới thiệu.

Như vậy, hành vi xử lý kỷ luật lao động của Công ty là không đúng. Bà T không gây thiệt hại cho Công ty. Sự thật là Công ty có bán được căn hộ, mà hai căn hộ này do bà L đã giới thiệu có xác nhận của cán bộ kiểm tra và Giám đốc kinh doanh của Công ty chấp nhận. Như vậy, bà T là người không có lỗi, không có khuyết

điểm, không gây thiệt hại cho Công ty. Việc bà L giới thiệu được người mua căn hộ là phù hợp với quy chế của Công ty đề ra được quy định tại Bl69-70-71.

Về quy kết chiếm đoạt phiếu quà tặng:

Ông Wang Tsung H2 mua căn hộ số T4-1501 (giá mua 20.791.111.725 đồng), đã ký hợp đồng đặt cọc ngày 14/12/2015 và đã đặt cọc số tiền 500.000.000 đồng, sau đó ký hợp đồng mua căn hộ chính thức vào tháng 01/2016 nhưng đến tháng 6/2016 mới được nhận căn hộ. Trong thời gian này, từ ngày 25/11/2015 đến 31/12/2015, Công ty A có chương trình tặng quà cho khách hàng mua căn hộ và do ông H2 không có mặt tại Việt Nam nên bà T nhận 01 phiếu quà tặng để giữ lại cho ông H2 khi khách hàng này trở lại nhận căn hộ vào tháng 6/2016.

Tuy nhiên, trong nội quy, quy chế của Công ty không quy định rõ ràng thẩm quyền ai là người được phê chuẩn và duyệt cấp phiếu quà tặng. Công ty giao cho bà T cấp phiếu quà tặng cho khách hàng. Đúng là bà T có tùy tiện khi cấp phiếu quà tặng không theo quy định, nhưng theo bà T vì giữ mối quan hệ với khách hàng tiềm năng, mặt khác bà T biết chắc là ông H2 sẽ mua căn hộ (vì ông đã đặt cọc tiền trong thời gian chương trình tặng quà cho khách mua căn hộ) nên bà T giữ lại cho ông H2 một phiếu quà tặng. Bà T đã ghi rõ tên khách hàng là Wang Tusng H2 và ghi người nhận là tên của mình (Nguyễn Thị Thanh T). Vì bà nhận phiếu từ tháng 12/2015 nhưng vẫn giữ Phiếu quà tặng cho đến tận tháng 4/2016 mà không sử dụng. Việc này bà T hoàn toàn có lỗi, tuy nhiên bà chưa dùng phiếu quà tặng mà Công ty đã thu hồi vào tháng 4/2016. Như vậy hậu quả thiệt hại cho Công ty là chưa có.

Trong Nội quy lao động ngày 06/01/2010 mà Công ty đã đăng ký tại Phòng Lao động và Thương binh Xã hội (và được Phòng Lao động Thương binh Xã hội duyệt theo Thông báo số 72/TB-LĐ-TBXH, ngày 13/5/2016) có quy định: "*Điều 40 Hình thức sa thải. 40.1. Hình thức sa thải sẽ được áp dụng nếu những phương pháp chỉnh đốn trên và những khiển trách bằng văn bản (03 lần) đối với người sai phạm không hiệu quả. 40.2 theo Điều 85 Bộ luật lao động, hình thức sa thải sẽ được áp dụng trong trường hợp…Nhân viên có hành vi trộm cắp, tham ô, tiết lộ bí mật công nghệ kinh doanh hoặc có hành vi khác gây thiệt hại nghiêm trọng về tài sản, lợi ích của Công ty…".*

Như vậy, hành vi của bà T là có lỗi, nhưng về hậu quả là chưa xảy ra vì trường hợp scan chữ ký của khách hàng để khách hàng nhận tiền hoa hồng khi giới thiệu được người mua nhà, trên thực tế là có việc giới thiệu khách hàng và người giới thiệu là có thật và họ xứng đáng được hưởng theo quy chế của Công ty, nhưng Công ty chưa phát thưởng 1%, và hậu quả cũng chưa xảy ra. Còn việc nhận phiếu quà tặng, bà T tuy có ký nhận phiếu thay ông H2, nhưng bà T chưa đưa cho ông H2, bà T cũng chưa sử dụng phiếu quà tặng, như vậy hậu quả cũng chưa xảy ra. Do đó, căn cứ vào Nội quy lao động của Công ty ngày 06/01/2010 đã được đăng ký tại Phòng Lao động Thương binh Xã hội Quận 1 duyệt ngày 26/01/2010 thì bà T không vi phạm nội quy lao động.

Mặt khác, tại Điều 123 Bộ luật lao động quy định: *Nguyên tắc, trình tự xử lý kỷ luật lao động: "Khoản 3. Khi một người lao động đồng thời có nhiều hành vi vi phạm kỷ luật lao động thì chỉ áp dụng hình thức kỷ luật cao nhất tương ứng với hành vi vi phạm nặng nhất".*

Công ty đã đưa ra hai hành vi để xem xét kỷ luật lao động là áp dụng chưa đúng quy định của pháp luật.

Đồng thời, theo quy định của pháp luật, khi xử lý kỷ luật lao động: *"Người sử dụng lao động phải chứng minh được lỗi của người lao động"* và Khoản 3 Điều 128 Bộ luật lao động*"Những quy định cấm khi xử lý kỷ luật lao động: ...3. Xử lý kỷ luật lao động đối với người lao động có hành vi vi phạm không được quy định trong nội quy lao động".*

Tại phiên tòa phúc thẩm, phía nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa những chứng cứ mới là những bản xác nhận của bà L, của ông Wang Tsung H2 và của Công ty P (đại diện là ông Nguyễn Tiến L1) mua 02 căn hộ T4-1505 (8.600.430.545 đồng), T4-1801 (8.379.612.000 đồng) đủ cơ sở chứng minh việc môi giới mua bán nhà của Công ty hoàn toàn là sự thật và không phải là giả tạo.

Công ty không chứng minh được hành vi của bà T là ***Trộm cắp hoặc gây thiệt hại nghiêm trọng về tài sản*** được quy định trong nội quy của Công ty đã được đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền do đó việc xử lý kỷ luật sa thải của Công ty là trái pháp luật.

Hành vi của bà T cũng không và chưa đe dọa gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của Công ty. Do đó, cần phải sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải nhận người lao động trở lại làm việc và thanh toán cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 42 của Bộ luật lao động.

Về yêu cầu bồi thường thiệt hại:

1. Hủy quyết định xử lý kỷ luật lao động ngày 24/6/2016 của Công ty A; Hủy quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 01097/2016 ngày 24/6/2016 của Công ty A.

2. Buộc Công ty A phải nhận bà Nguyễn Thị Thanh T trở lại làm việc theo hợp động lao động mà hai bên đã ký kết số 01-097-03/2011 ngày 01/10/2014.

3. Buộc Công ty A phải trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T tiền lương theo mức lương 78.750.000 đồng/1tháng kể từ ngày 24/6/2016 cho đến khi nhận bà T trở lại làm việc cộng với 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động là 78.750.000 đồng x 2 = 157.500.000 đồng.

Công ty A và bà T phải đóng các khoản BHXH, BHYT, BHTN theo quy định của pháp luật kể từ ngày 24/6/2016.

Vì các lẽ nêu trên;

Áp dụng Điều 308, Điều 309 và Điều 313 của Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 32, điểm c Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 220, Điều 273, Điều 301, Điều 302, Điều 303 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 42, Điều 128 Bộ luật lao động;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T. Sửa án sơ thẩm.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T về việc yêu cầu Công ty A phải:

1. Hủy quyết định xử lý kỷ luật lao động ngày 24/6/2016 của Công ty A; Hủy quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 01097/2016 ngày 24/6/2016 của Công ty A.

2. Buộc Công ty A phải nhận bà Nguyễn Thị Thanh T trở lại làm việc theo hợp động lao động mà hai bên đã ký kết số 01-097-03/2011 ngày 01/10/2014.

3. Buộc Công ty A phải trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T tiền lương theo mức lương 78.750.000 đồng/1tháng kể từ ngày 24/6/2016 cho đến khi nhận bà T trở lại làm việc cộng với 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động là 78.750.000 đồng x 02 = 157.500.000 đ (Một trăm năm mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Công ty A và bà T phải đóng các khoản BHXH, BHYT, BHTN theo quy định của pháp luật kể từ ngày 24/6/2016.

Thi hành án tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

4. Án phí lao động sơ thẩm Công ty A phải chịu là 59.250.000 đ (Năm mươi chín triệu hai trăm năm chục nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị Thanh T không phải chịu án phí sơ, phúc thẩm.

Kể từ khi bà Nguyễn Thị Thanh T có đơn yêu cầu thi hành án mà Công ty A chưa thanh toán đủ số tiền nêu trên thì hàng tháng Công ty A còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất huy động tiền gửi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tương ứng với thời gian chưa thi hành án. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi

hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực thi hành ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tối cao (1);
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Tp.HCM (1);
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.HCM (2);
- Cục THA Dân sự Tp.HCM (1);
- Tòa án nhân dân Quận B (2);
- Chi cục THA Dân sự Quận B (1);
- Các đương sự (5);
- Lưu (13). Tổng cộng: 25b.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Xuân